**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÀM TÂN**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 08/2018/DS-ST**
**Ngày: 26/4/2018**
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018QĐST-DS ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần P – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân. (có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Trú tại: 70C đường C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần P trình bày***:

Ngày 23/8/2010 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân đã giải ngân cho chị Lê Thị Kiều L có vay số tiền là 8.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 6000003900042587, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ là ngày

21/07/2015. Tổng dư nợ của khế ước nhận nợ số 6000003900042587 tính đến ngày 28/02/2017 là 12.363.600đồng trong đó tiền gốc là 8.000.000đồng và tiền lãi là 4.363.600đồng. Nay yêu cầu chị L và anh D phải thanh toán tiền gốc là 8.000.000đồng tiền lãi tính đến ngày 26/4/2018 là 5.664.896đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi thi hành xong.

***Bị đơn chị Lê Thị Kiều L trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Thanh D là vợ chồng, năm 2010 do cần tiền để làm nhà nên chị đã thay mặt vợ chồng vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân số tiền là 8.000.000đồng, ngoài ra chị còn phải vay thêm phía gia đình chị một số tiền khác. Đến cuối năm 2011 vợ chồng không sống chung với nhau được nữa nên chị đã về thành phố Đà Lạt sinh sống và anh D tiếp tục sử dụng căn nhà chung của vợ chồng. Năm 2016 đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân giải quyết cho ly hôn, khi ly hôn thì anh D tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản chung trong đó có căn nhà xây dựng năm 2010. Nay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân yêu cầu trả số tiền gốc là 8.000.000đồng và tiền lãi thì chị có ý kiến như sau: Số nợ vay là nợ chung của vợ chồng tuy nhiên khi vay tiền là để làm nhà nhưng hiện nay anh D là người sử dụng căn nhà đó nên anh D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt nên không thể lấy lời khai được.

Tòa án đã tiến hành thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Chị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu***: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với các đương sự thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không tuân thủ quy định của luật tố tụng mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vẫn không có mặt.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 8.000.000đồng, lãi suất trong hạn là 2.558.400đồng, lãi suất nợ quá hạn là 3.106.410đồng và lãi suất phát sinh đến khi thi hành xong các khoản nợ trên. Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

***Về thủ tục tố tụng:***

*Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 BLDS thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Theo lời trình bày của nguyên đơn thì ngày Ngày 23/8/2010, thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 21/07/2015 nhưng đến hạn thì bị đơn không thanh toán. Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 184 BLTTDS 2015 Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên nhưng trong vụ án này không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét do vậy ngày 14/11/2017 NHCSXHVN làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L và anh D thanh toán số tiền gốc và lãi suất còn nợ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

***Về nội dung:***

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy: Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 21/6/2010 chị Lê Thị Kiều L và ông Nguyễn Thanh D đã đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội cho vay số tiền là 8.000.000đồng với mục đích làm nhà vệ sinh và giếng nước. Theo Sổ vay vốn và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ thì chị Lê Thị Kiều L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 8.000.000đồng, theo thỏa thuận của các bên thì thời hạn vay là 60 tháng lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/7/2015. Ngày 23/8/2010 Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Hàm Tân đã giải ngân cho chị L số tiền là 8.000.000đồng, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ thì chị L chưa thanh toán số tiền trên.

Theo lời trình bày của chị L: Chị cũng thừa nhận là có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Hàm Tân số tiền như nguyên đơn đã trình bày, thời hạn vay và lãi suất thì theo quy định của Ngân hàng với mục đích sử dụng vào việc làm nhà và các công trình phụ khác để sinh hoạt gia đình, khi vay thì chị là người đại diện cho gia đình để vay và có sự đồng ý của anh D, tuy nhiên sau khi vay tiền làm nhà xong thì chị và anh D không chung sống với nhau được nữa nên chị đã về thành phô Đ để sinh sống, đến năm 2016 thì vợ chồng đã ly hôn, anh D là người trực tiếp được sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Nay Ngân hàng chính sách yêu cầu chị thanh toán số tiền trên thì chị đề nghị anh D là người có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù khi nhận tiền thì một mình chị L ký nhận, tuy nhiên việc vay tiền của Ngân hàng chính sách là để sử dụng chung cho gia đình, khi vay thì anh D cũng đồng ý và ký giấy đề nghị vay, hơn nữa tại thời điểm vay tiền thì anh D và chị L đang là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ do vợ, chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình do đó chị L và anh D phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ trên vì vậy Ngân hàng chính sách xã hội làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L và người thừa kế là ông Nguyễn Thanh D phải thanh toán số tiền gốc là 8.000.000đồng và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo hợp đồng vay vốn giữa các bên thì lãi suất thỏa thuận là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/7/2015. Sau khi vay thì chị L đã trả lãi đến ngày 05.8.2012 với số tiền là 1.707.200đồng và sau đó thì không đóng lãi. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam yêu cầu chị L và

anh D phải trả lãi trong hạn từ ngày 06.8.2012 đến ngày 21.7.2015 với số tiền là 2.558.400đồng và lãi suất quá hạn từ ngày 22.7.2015 đến ngày 26/4/2018 là 3.106.400đồng là phù hợp.

Việc chị L cho rằng hiện nay anh D đang sở hữu toàn bộ tài sản chung nên anh D phải có nghĩa vụ thanh toán là không phù hợp bởi lẽ theo quy định tại Điều 33, Điều 35 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị L có quyền yêu cầu chia tài sản khi ly hôn hoặc sau ly hôn do vậy cần buộc chị L và anh D phải thanh toán số tiền gốc là 8.000.000đồng, 5.664.810 đồng tiền lãi và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là phù hợp. Được chia phần cụ thể cho mỗi người là 4.000.000đồng tiền gốc và 2.832.405đồng tiền lãi và lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong số tiền trên.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc chị Lê Thị Kiều L phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 4.000.000đồng tiền gốc và 2.832.405đồng tiền lãi và lãi suất phát sinh kể từ ngày tuyên án. Buộc anh Nguyễn Thanh D phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 4.000.000đồng tiền gốc và 2.832.405đồng tiền lãi và lãi suất phát sinh kể từ ngày tuyên án theo khế ước nhận nợ số 6000003900042587, Sổ vay vốn và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 21/8/2010

2/ Về án phí:

- Buộc chị Lê Thị Kiều L phải chịu 314.620đồng án phí DSST và anh Nguyễn Thanh D phải chịu 314.620 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai.

4/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Tân;
-THA dân sự huyện Hàm Tân;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

***Nguyễn Anh Dũng***